Ký bởi: Sở Nội vụ
Email: vp@snv.binhdinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Định
Ngày ký: 2022-12-26 14:34:33 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2022/NQ-HĐND	*Bình Định, ngày 10 tháng 12 năm 2022*

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐẾN Số: 14652
Ngày: 26/12/22
Chuyển:
Số và Ký hiệu HS:

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định,

giai đoạn 2022-2026; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách khuyến khích, đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Hồ Quốc Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho các đối tượng đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026, gồm các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản xuất trồng trọt hữu cơ là hệ thống quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia về trồng trọt hữu cơ.

2. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành gồm những yêu cầu trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để bảo đảm an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm; sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.

3. Dự án chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao trong Quy định này là dự án đáp ứng các tiêu chí tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp; bao gồm: ứng dụng công nghệ sản xuất vật nuôi an toàn theo VietGAHP, công nghệ tự động hóa, bán tự động hóa trong quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp.

4. Quy trình công nghệ ứng dụng khí ni tơ nano trong bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu được thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-TCTS-KHCN&HTQT ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tổng cục Thủy sản, về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật lĩnh vực Thủy sản. Trong đó, máy sản xuất khí ni tơ từ khí trời được thay bằng bình chứa khí ni tơ có sẵn nhằm đảm bảo hiệu quả và phù hợp thực tế của địa phương.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

2. Trong cùng một thời điểm, một nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu đã được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thì không được hưởng hỗ trợ của ngân sách tỉnh và ngược lại.

3. Tổ chức, cá nhân được thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ cung cấp.

Điều 5. Thời gian thực hiện

Từ năm 2022 đến hết năm 2026.

Chương II
NỘI DUNG, NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 6. Nội dung hỗ trợ lĩnh vực trồng trọt

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Hỗ trợ sản xuất trồng trọt hữu cơ:

- Danh mục, quy mô diện tích trồng trọt hữu cơ được hỗ trợ theo Quy định này, gồm:

+ Cây lúa: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 2,0 ha;

+ Cây ăn quả: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 1,0 ha;

+ Cây rau các loại: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 0,5 ha.

- Điều kiện hỗ trợ sau đầu tư và phải đáp ứng đầy đủ các quy định:

+ Cam kết tổ chức sản xuất áp dụng theo nguyên tắc và tiêu chuẩn trồng trọt hữu cơ;

+ Có dự án đầu tư sản xuất, các nội dung hỗ trợ phải có trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được phê duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước).

b) Hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP):

- Danh mục, quy mô diện tích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) được hỗ trợ theo Quy định này, gồm:

+ Cây trồng cạn hàng năm: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 3,0 ha;

+ Cây ăn quả: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 2,0 ha;

+ Cây rau các loại: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 1,0 ha.

- Điều kiện hỗ trợ sau đầu tư và phải đáp ứng đầy đủ các quy định:

+ Cam kết áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm;

+ Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm;

+ Có dự án đầu tư sản xuất, các nội dung hỗ trợ phải có trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Có cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được phê duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước).

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ sản xuất trồng trọt hữu cơ:

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí thuê tổ chức chứng nhận để đào tạo, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam về trồng trọt hữu cơ (cấp lần đầu hoặc cấp lại) nhưng không quá 80 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua phân bón hữu cơ và 100% kinh phí mua các vật tư (thuốc bảo vệ thực vật sinh học hoặc có nguồn gốc sinh học, chế phẩm sinh học xử lý đất và xử lý phân hữu cơ) theo định mức phê duyệt cho tổ chức, cá nhân để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam về trồng trọt hữu cơ, cụ thể như sau:

+ Cây lúa: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 10 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây rau các loại: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 12 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây ăn quả: Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp nhưng không quá 22 triệu đồng/ha/năm.

b) Hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP):

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí thuê tổ chức chứng nhận để đào tạo, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (cấp lần đầu hoặc cấp lại) nhưng không quá 60 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư (bao gồm: Thuốc bảo vệ thực vật sinh học hoặc có nguồn gốc sinh học, chế phẩm sinh học xử lý đất và xử lý phân hữu cơ) theo định mức phê duyệt cho tổ chức, cá nhân để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP, cụ thể như sau:

+ Cây trồng cạn hàng năm: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 4 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây rau các loại: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 5 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây ăn quả: Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp nhưng không quá 8 triệu đồng/ha/năm.

Điều 7. Nội dung hỗ trợ lĩnh vực chăn nuôi

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Có dự án phát triển chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Chăn nuôi lợn trang trại quy mô vừa trở lên.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần kinh phí sau đầu tư cho các đối tượng thực hiện Dự án chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao với những nội dung:

a) Lắp đặt hệ thống làm mát, kiểm soát nhiệt độ tự động, bán tự động; lắp đặt hệ thống phân phối thức ăn, nước uống tự động, bán tự động: Mức hỗ trợ là 50% chi phí nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng cho 01 dự án.

b) Xây dựng và chứng nhận VietGAHP: Mức hỗ trợ là 100% chi phí nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng cho 01 dự án.

Điều 8. Nội dung hỗ trợ lĩnh vực thủy sản

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có tàu cá đăng ký tại Bình Định (gọi tắt là chủ tàu cá), có chiều dài lớn nhất của tàu từ 15 mét trở lên, hoạt động đánh bắt nghề câu cá ngừ đại dương thực hiện Quy trình công nghệ ứng dụng khí ni tơ nano trong bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu theo quy định.

b) Thiết bị hỗ trợ để thực hiện Quy trình công nghệ ứng dụng khí ni tơ nano trong bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu lắp đặt trên tàu cá cho ngư dân phải là thiết bị mới 100%.

c) Chủ tàu cá bán tàu cho tổ chức, cá nhân có hộ khẩu trong tỉnh yêu cầu chủ tàu cá mới phải có cam kết tiếp tục sử dụng Quy trình công nghệ ứng dụng khí ni tơ nano trong bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu.

d) Trường hợp bán tàu ra ngoài phạm vi tỉnh Bình Định, chủ tàu cá phải hoàn trả 100% kinh phí được tỉnh hỗ trợ.

đ) Quản lý việc hỗ trợ đối với thiết bị shocker được chế tạo theo công nghệ Nhật Bản và hệ thống thiết bị tạo bọt khí ni tơ nano trên mỗi thiết bị lắp đặt trên tàu theo số seri.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần kinh phí sau đầu tư cho chủ tàu cá đánh bắt cá ngừ đại dương thực hiện Quy trình công nghệ ứng dụng khí ni tơ nano trong bảo quản sản phẩm cá ngừ đại dương trên tàu câu theo quy định, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí mua mới shocker được chế tạo theo công nghệ Nhật Bản. Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/tàu.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí cải tạo, làm mới hầm bảo quản cá ngừ đại dương theo công nghệ tạo bọt khí ni tơ nano. Mức hỗ trợ tối đa 75 triệu đồng/tàu.

c) Hỗ trợ 50% kinh phí mua mới hệ thống thiết bị tạo bọt khí ni tơ nano, bao gồm: Bình chứa khí ni tơ có sẵn, máy tạo bọt khí ni tơ nano, hệ thống bơm tuần hoàn nước biển. Mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/tàu.

Điều 9. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung theo quy định của chính sách này. Ngoài ra, các địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách hỗ trợ; huy động, lồng ghép các chương trình, dự án và các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

Điều 10. Quy định phân cấp phê duyệt

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổng mức hỗ trợ cho từng dự án trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn ở Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.